

Số: **3033** /TCT-KK

Hà Nội, ngày **02** tháng **8** năm **2019**.

V/v hướng dẫn một số nội dung đối  
với triển khai Chi cục Thuế khu vực

Kính gửi: Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 03/06/2019, Tổng cục Thuế có công văn số 2239/TCT-KK hướng dẫn quản lý thuế đối với triển khai Chi cục Thuế khu vực.

Tiếp theo công văn số 2239/TCT-KK, Tổng cục Thuế hướng dẫn bổ sung một số nội dung cụ thể như sau:

**1. Về hướng dẫn quản lý thuế:**

- Sửa đổi, bổ sung các nội dung sau vào điểm 3a mục II công văn số 2239/TCT-KK, cụ thể:

*“3a) Thực hiện giải quyết hồ sơ đăng ký thuế để cấp mã số thuế cho NNT (trừ doanh nghiệp, **hợp tác xã**), hồ sơ đăng ký để cấp mã số thuế cho người phụ thuộc của cá nhân nộp thuế thu nhập cá nhân, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý của NNT (trừ doanh nghiệp, **hợp tác xã**) theo hướng dẫn tại Quy trình quản lý đăng ký thuế ban hành kèm theo Quyết định số 329/QĐ-TCT ngày 27/3/2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, công văn số 5920/TCT-KK ngày 25/12/2017 và công văn số 1057/TCT-KK ngày 28/03/2019 của Tổng cục Thuế. Khi cấp Giấy chứng nhận ĐKT/Thông báo mã số thuế cho NNT, thông tin cơ quan thuế quản lý ghi trên Giấy chứng nhận ĐKT/Thông báo mã số thuế là tên Chi cục Thuế khu vực.*

*Đối với hồ sơ thay đổi thông tin địa chỉ trụ sở của NNT là tổ chức (trừ **hợp tác xã**), hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh giữa các huyện trong phạm vi địa bàn hành chính thuộc quản lý của Chi cục Thuế khu vực thì bộ phận “một cửa” thực hiện theo nội dung hướng dẫn tại Phụ lục 1 công văn này để cập nhật thông tin thay đổi của NNT, xử lý nghĩa vụ thuế, hóa đơn của NNT đảm bảo chuyển toàn bộ nghĩa vụ thuế, hóa đơn, ấn chỉ còn tồn từ cơ quan thuế của huyện chuyển đi sang cơ quan thuế của huyện chuyển đến trên ứng dụng và in Giấy chứng nhận ĐKT/Thông báo mã số thuế (thông tin cơ quan thuế quản lý ghi trên Giấy chứng nhận ĐKT/Thông báo mã số thuế là tên Chi cục Thuế khu vực) để trả cho NNT.”*

- Sửa đổi, bổ sung hướng dẫn tại điểm 2 Mục III công văn 2239/TCT-KK như sau:

*“2. Đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp, **hợp tác xã**, chi nhánh, văn phòng đại diện của **hợp tác xã** do Chi cục*

Thuế khu vực trực tiếp quản lý có thay đổi địa chỉ trụ sở từ huyện này sang huyện khác trong cùng Chi cục Thuế khu vực:

Cơ quan thuế hướng dẫn NNT nộp hồ sơ thay đổi thông tin không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý đến cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã theo quy định tại pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.

Hệ thống đăng ký thuế nhận giao dịch thay đổi địa chỉ trụ sở của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của cơ quan đăng ký kinh doanh. Sau khi nhận giao dịch, Hệ thống đăng ký thuế tự động kiểm tra và cập nhật thông tin thay đổi cho người nộp thuế nếu thông tin thay đổi hợp lệ hoặc trả thông tin lỗi cho Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nếu thông tin thay đổi không hợp lệ.

Cơ quan thuế kiểm tra thông tin thay đổi địa chỉ trụ sở của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã do cơ quan đăng ký hợp tác xã gửi đến theo quy trình hướng dẫn tại công văn số 2151/TCT-KK ngày 28/5/2019 của Tổng cục Thuế và pháp luật về đăng ký hợp tác xã.

Chi cục Thuế khu vực thực hiện theo nội dung hướng dẫn tại Phụ lục 1 công văn này để cập nhật thông tin thay đổi của NNT, xử lý nghĩa vụ thuế, hóa đơn của NNT đảm bảo chuyển toàn bộ nghĩa vụ thuế, hóa đơn, ấn chỉ còn tồn từ cơ quan thuế của huyện chuyển đi sang cơ quan thuế của huyện chuyển đến trên ứng dụng."

## **2. Về hướng dẫn xử lý hồ sơ thay đổi địa chỉ trụ sở của NNT tại Phụ lục 1 công văn 2239/TCT-KK:**

- Tại Điểm 1 Mục I sửa đổi, bổ sung như sau:

"- Bộ phận Đăng ký thuế của Chi cục Thuế khu vực:

+ Căn cứ giao dịch thay đổi địa chỉ trụ sở giữa các huyện trong cùng Chi cục Thuế khu vực trên ứng dụng TMS hoặc hồ sơ thay đổi địa chỉ trụ sở của hợp tác xã do cơ quan đăng ký hợp tác xã gửi đến, Bộ phận Đăng ký thuế lập Phiếu đề nghị xử lý theo mẫu số 04/QTr-ĐKT ban hành kèm theo Quy trình quản lý đăng ký thuế gửi các bộ phận chức năng (bộ phận quản lý ấn chỉ, bộ phận kê khai và kế toán thuế, bộ phận quản lý nợ) ngay trong ngày làm việc kể từ ngày nhận được giao dịch của cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc ngày nhận được hồ sơ giấy của cơ quan đăng ký hợp tác xã để thông báo cho các bộ phận chức năng biết và thực hiện các công việc quản lý thuế theo quy định. (...)

(iii) Bộ phận đăng ký thuế nhận giao dịch thay đổi thông tin địa chỉ trụ sở trong cùng Chi cục Thuế khu vực (chuyển nội bộ Chi cục Thuế khu vực) của cơ quan đăng ký kinh doanh (đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp), hoặc cập nhật thông tin thay đổi về địa chỉ trụ sở trong cùng Chi cục Thuế khu vực theo hồ sơ của người nộp thuế (trừ doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp) và hồ sơ giấy

*của cơ quan đăng ký hợp tác xã (đối với hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã) vào ứng dụng TMS sau khi hoàn thành việc nhận mã số thuế vào mã cơ quan thuế huyện chuyển đến.”*

- Tại điểm 3 Mục I sửa đổi, bổ sung như sau:

*“3. Về xử lý các hồ sơ khác của người nộp thuế nộp cho cơ quan thuế, của cơ quan đăng ký hợp tác xã gửi cơ quan thuế hoặc cơ quan thuế nhận giao dịch của cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời gian cơ quan thuế chưa hoàn thành việc giải quyết hồ sơ thay đổi địa chỉ trụ sở giữa các huyện trong cùng Chi cục Thuế khu vực:*

a) Đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp:

Hệ thống đăng ký thuế vẫn tiếp nhận toàn bộ các giao dịch của cơ quan đăng ký kinh doanh truyền sang nhưng tạm thời chưa kiểm tra, xử lý các giao dịch này vào ứng dụng TMS cho đến khi Chi cục Thuế khu vực hoàn thành việc xử lý hồ sơ thay đổi địa chỉ trụ sở giữa các huyện trong cùng Chi cục Thuế khu vực.

b) Đối với tổ chức, hộ kinh doanh, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh:

Cơ quan thuế vẫn tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế (**tổ chức khác trừ hợp tác xã, hộ kinh doanh, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh**) hoặc hồ sơ của cơ quan đăng ký hợp tác xã (đối với hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã) nhưng chưa xử lý vào ứng dụng TMS cho đến khi Chi cục Thuế khu vực hoàn thành việc xử lý hồ sơ thay đổi địa chỉ trụ sở giữa các huyện trong cùng Chi cục Thuế khu vực.”

- Tại tiết b điểm 1 Mục II sửa đổi, bổ sung như sau:

*“b) Đối với tổ chức, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh:*

*Bước 1: Bộ phận một cửa hoặc bộ phận hành chính văn thư của Cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ thay đổi thông tin địa chỉ trụ sở giữa các huyện thuộc Chi cục Thuế khu vực của người nộp thuế hoặc cơ quan đăng ký hợp tác xã.*

*Bước 2: Cơ quan thuế huyện chuyển đi căn cứ vào hồ sơ của người nộp thuế hoặc cơ quan đăng ký hợp tác xã tại bước 1, thực hiện theo quy trình tại cơ quan thuế huyện chuyển đi hướng dẫn tại Mục I nêu trên và các chức năng của ứng dụng TMS để chuyển toàn bộ nghĩa vụ thuế của người nộp thuế và chuyển cơ quan thuế của mã số thuế có thay đổi thông tin địa chỉ như sau:..”*

### **3. Về hướng dẫn bàn giao:**

Bổ sung làm rõ cách lập một số mẫu biểu bàn giao (Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm), một số nội dung chú ý:

- Danh sách chứng từ thiếu thông tin chờ xử lý, sửa thành kết xuất trên ứng dụng, bỏ lập thủ công Mẫu số 3g/KKKTT-TCT.

- Danh sách chứng từ điện tử đã hạch toán, sửa thành kết xuất trên ứng dụng, bỏ lập thủ công Mẫu số 3h/KKKTT-TCT.

- Báo cáo kế toán thu NSNN (tổng hợp, chi tiết): bỏ mẫu BC2, bổ sung kết xuất mẫu BC3B, BC4.

- Bỏ mẫu số thứ tự 19, 22 mục III, số thứ tự 28 mục IV, số thứ tự 23 mục V, Phụ lục 2 do đã có các mẫu tương tự.

- Bổ sung mẫu biểu bàn giao dữ liệu tại ứng dụng QLTB-NĐ (mẫu số thứ tự 31 đến 36 Mục IV Phụ lục 1 công văn này).

- Bổ sung hướng dẫn chi tiết cách kết xuất Danh sách MST đã phân công cán bộ quản lý nợ và Danh sách MST chưa phân công cán bộ quản lý nợ.

Tổng cục Thuế đề nghị Cục Thuế chủ động nghiên cứu, hướng dẫn các Chi cục Thuế trong kế hoạch sắp xếp, hợp nhất thực hiện. Trường hợp có vướng mắc phát sinh báo cáo về Tổng cục Thuế thông qua Bộ phận thường trực triển khai Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hợp nhất Chi cục Thuế tại Thông báo số 297/TB-TCT ngày 22/7/2019 của Tổng cục Thuế.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Tổng cục Thuế (để báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để phối hợp thực hiện);
- Các Vụ/ đơn vị thuộc Tổng cục Thuế (để biết và thực hiện);
- Lưu: VT, KK (3b).

160

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



**Phi Vân Tuấn**

**Phụ lục 1**

**HƯỚNG DẪN BỔ SUNG CÁCH LẬP MỘT SỐ MẪU BIỂU BÀN GIAO CÔNG TÁC THUẾ**

*(Đính kèm công văn số 3033/TCT-KK ngày 02/8/2019 của Tổng cục Thuế)*

| <b>STT</b><br><i>(Tại CV 2239)</i> | <b>Tên mẫu biểu</b>                                                              | <b>Kí hiệu mẫu biểu</b> | <b>Cách lập</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>III</b>                         | <i>Công tác đăng ký thuế, khai thuế, kế toán thuế, hoàn thuế, miễn giảm thuế</i> |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 2                                  | Danh sách MST của người phụ thuộc                                                | Mẫu biểu trên ứng dụng  | Kết xuất trên ứng dụng tại chức năng 2.7.2 <i>Tra cứu thông tin người phụ thuộc</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 3                                  | Danh sách MST vắng lai                                                           | Mẫu biểu trên ứng dụng  | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng 2.2.11 <i>Tra cứu NNT vắng lai</i><br>Lưu ý: Tham số loại người nộp thuế đã lựa chọn từ 0100 đến 0900.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 10                                 | Danh sách hồ sơ tồn trên trực đến thời điểm bàn giao                             | Mẫu biểu trên ứng dụng  | Kết xuất từ ứng dụng TMS<br>- Tại chức năng <i>ZTC_SEARCH_FORM - 3.2.3.3 Nhật ký nhận file qua TTT (Từ ngày 01.10.2017)</i> , tham số tra cứu:<br>+ Trạng thái: 01, 02, 03, 4B, 5B, 5C, 5D, 5G.<br>+ Ngày nhận: Từ 01/10/2017 đến thời điểm bàn giao.<br>- Tại chức năng <i>ZTC_EBS_RETURN - 3.2.3.2 Nhật ký nhận file (Hồ sơ Hoàn, Icanhan, Khoán, PNN, ĐKT)</i> , tham số tra cứu:<br>+ Trạng thái: 01, 02, 03, 05, 5B, 5C, 5D, 07, 7B, 7C, 7D, 10, 12, 14.<br>+ Ngày nhận: Từ Null đến thời điểm bàn giao. |
| 12                                 | Danh sách chứng từ thiếu thông tin chờ xử lý                                     | Mẫu biểu trên ứng dụng  | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng 8.9.1.4 <i>Danh sách chứng từ</i> , chọn mã số thuế của Tài khoản quản lý khoản thu thiếu thông tin chờ xử lý của cơ quan thuế (Tài khoản loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

| STT<br>(Tại CV<br>2239) | Tên mẫu biểu                                                                                                                                                       | Kí hiệu mẫu biểu       | Cách lập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                         |                                                                                                                                                                    |                        | 1) được hướng dẫn tại công văn 4798/TCT-KK ngày 30/11/2018 của Tổng cục Thuế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 13                      | Danh sách chứng từ                                                                                                                                                 | Mẫu biểu trên ứng dụng | <p>Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng 8.9.1. 4 <i>Danh sách chứng từ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách chứng từ hạch toán chưa thành công:</li> <li>+ Trạng thái: khác 5</li> <li>+ Ngày hạch toán: Null.</li> <li>- Danh sách chứng từ hạch toán thành công:</li> <li>+ Trạng thái: 5</li> <li>+ Ngày hạch toán: thuộc tháng đang mở sổ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 16                      | Danh sách dữ liệu về xử lý chứng từ: Quyết định/Văn bản/Kết luận, Lệnh Hoàn (Tra cứu chức năng trên QĐ, filter số lệnh hoàn), Quyết định điều chỉnh nội bộ (DP...) | Mẫu biểu trên ứng dụng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng <i>RFKKO1 - 4.1. 3 Tra cứu quyết định/ văn bản/kết luận/ kiến nghị</i> đến thời điểm bàn giao theo điều kiện:</li> <li>+ Loại Quyết định: Tất cả</li> <li>+ Ngày hạch toán: chỉ kết xuất danh sách quyết định được hạch toán vào kỳ mở sổ hiện tại.</li> <li>- Trường hợp tra cứu Quyết định Hoàn: kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng <i>ZTC_SCH_REFUND_BPS - 6. 2 Tra cứu hồ sơ/ Quyết định hoàn</i> theo điều kiện:</li> <li>+ Trạng thái hồ sơ hoàn: Đa lựa chọn và loại bỏ các trạng thái 1, 3, 6, 7, 12.</li> <li>+ Ngày Quyết định: chỉ kết xuất danh sách quyết định được hạch toán vào kỳ mở sổ hiện tại.</li> <li>- Trường hợp tra cứu phiếu điều chỉnh nội bộ: kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng <i>ZTC_FPO4 - 8.9.1. 2 Danh sách giao dịch số chi tiết</i> theo điều kiện:</li> <li>+ Ngày hạch toán: từ ngày đầu tiên của kỳ mở sổ hiện tại</li> </ul> |

| STT<br>(Tại CV<br>2239) | Tên mẫu biểu                                                                                                                                   | Kí hiệu mẫu biểu                                                                                                                                     | Cách lập                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                         |                                                                                                                                                |                                                                                                                                                      | đến ngày bàn giao.                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 17                      | Sổ theo dõi thu nộp (tổng hợp, chi tiết) S1/KTT                                                                                                | Mẫu biểu trên ứng dụng                                                                                                                               | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng <i>ZTC_TMS_COL_PRT - 8.5.2 Sổ thu nộp</i><br>Thời điểm: kỳ mở sổ hiện tại.                                                                                                                                                                                  |
| 18                      | Báo cáo kế toán thu NSNN (tổng hợp, chi tiết): BC3A, BC3B, BC4, BC5, BC7, BC10.                                                                | Mẫu biểu trên ứng dụng                                                                                                                               | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại các chức năng <i>8.9.1 Báo cáo giao dịch sổ chi tiết, 8.9.2 Báo cáo kế toán thuế</i><br>Lưu ý: Kết xuất kỳ mở sổ hiện tại. Riêng Mẫu BC3B kết xuất kỳ báo cáo năm trước (ví dụ 2018) và kỳ chốt báo cáo: là kỳ mở sổ hiện tại.                                        |
| 20                      | Danh sách chi tiết hồ sơ hoàn thuế cơ quan thuế đã tiếp nhận nhưng chưa thực hiện chi hoàn (bao gồm hồ sơ hoàn GTGT, hồ sơ hoàn thuế nộp thừa) | Mẫu 09a/Qtr-HT; 09b/QTr-HT theo quy trình hoàn thuế ban hành kèm theo công văn số 3228/TCT-KK ngày 12/8/2014 (với các hồ sơ chưa thực hiện chi hoàn) | Thủ công, tổng hợp từ kỳ: tháng 01/2019 đến tháng có ngày bàn giao.                                                                                                                                                                                                                                |
| 21                      | Báo cáo tổng hợp kết quả hoàn thuế                                                                                                             | Mẫu 10/Qtr – HT theo quy trình hoàn thuế ban hành kèm theo công văn số 3228/TCT-KK ngày 12/8/2014                                                    | Thủ công, tổng hợp từ kỳ: tháng 01/2019 đến tháng có ngày bàn giao.                                                                                                                                                                                                                                |
| 23                      | Hồ sơ hoàn thuế tồn trên trực tuyến tin đến thời điểm bàn giao                                                                                 | Mẫu biểu trên ứng dụng                                                                                                                               | Kết xuất trên ứng dụng TMS tại chức năng <i>3.2.3.2. Nhật ký nhận file (Hồ sơ hoàn, Icanhan, Khoán, PNN, ĐKT)</i> , tham số tra cứu:<br>- Trạng thái: tất cả các trạng thái trừ 4E, 06, 6A, 6B, 6E, 7E<br>- Mã tờ khai: 384 – 01/ĐNHT<br>- Mã tờ khai: 428 – Hồ sơ bổ sung đề nghị hoàn thuế, loại |

| STT<br>(Tại CV<br>2239) | Tên mẫu biểu                                                                                                                                                                                                                                  | Kí hiệu mẫu biểu       | Cách lập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                         |                                                                                                                                                                                                                                               |                        | bỏ trạng thái 4A (nếu có).<br>- Ngày nhận: từ ngày Null đến ngày bàn giao.                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| IV                      | <i>Quản lý lệ phí trước bạ ô tô, xe máy; hồ sơ liên quan đến việc xác định nghĩa vụ tài chính đối với các khoản thu từ đất; hồ sơ của cá nhân kinh doanh; hồ sơ liên quan đến ủy nhiệm thu thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán</i> |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 3                       | Hồ sơ ĐKT tạm nghỉ kinh doanh/ ngừng hoạt động                                                                                                                                                                                                | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng ZTC_RPT_BP – 2.9.1 Danh bạ NNT<br>- Danh sách MST đang tạm nghỉ kinh doanh: chọn tham số in<br>+ Trạng thái ĐKT tổ chức: 05 - NNT tạm ngừng KD có thời hạn<br>+ Loại người nộp thuế : 0300, 0310.<br>- Danh sách MST ngừng hoạt động:<br>+ Trạng thái ĐKT tổ chức 01, 03, 06<br>+ Loại người nộp thuế : 0300, 0310. |
| 4                       | Danh bạ quản lý CNKD in đến thời điểm chốt dữ liệu.<br>Loại danh sách:<br>01-1/QTr-CNKD Danh bạ quản lý cá nhân kinh doanh trong năm<br>01-1/QTr-CNKD Danh bạ quản lý cá nhân kinh doanh lũy kế                                               | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng ZTC_DB_HOKD - 3.2.1. 4 In danh sách dự kiến, niêm yết công khai (Áp dụng từ năm 2015), lưu ý tra cứu theo tháng có chứa ngày bàn giao dữ liệu và ký khóa số gần nhất (ví dụ ngày bàn giao là 3/8 thì in 3 kỳ: tháng 6, 7, 8/2019).                                                                                  |
| 5                       | Danh sách cá nhân ngừng/ngừng kinh doanh trong năm có thông báo được miễn, giảm thuế mẫu 04-                                                                                                                                                  | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng ZTC_DB_HOKD - 3.2.1. 4 In danh sách dự kiến, niêm yết công khai (Áp dụng từ năm 2015) đến thời điểm chốt dữ liệu.<br>Lưu ý: tham số tra cứu là kỳ mở sổ hiện tại.                                                                                                                                                   |

| STT<br>(Tại CV<br>2239) | Tên mẫu biểu                                                                                  | Kí hiệu mẫu biểu       | Cách lập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                         | 3/QTr-CNDK                                                                                    |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 6                       | Số liệu số phát sinh hộ khoán                                                                 | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng <i>ZTC_TMS_RET_REP02 - 3.2.1. 7 In sổ bộ phát sinh hộ khoán</i> đến thời điểm chốt dữ liệu.<br>Lưu ý: tham số tra cứu là kỳ mở sổ hiện tại.                                                                                                                                                                              |
| 7                       | Số liệu số bộ hộ khoán                                                                        | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng <i>ZTC_TMS_RET_REP01 - 3.2.1. 8 In sổ bộ hộ khoán</i> đến thời điểm chốt dữ liệu.<br>Lưu ý: tham số tra cứu là năm thực hiện bàn giao.                                                                                                                                                                                   |
| 8                       | Danh sách công khai thông tin hộ khoán                                                        | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng <i>ZTC_TRACUU_DSCK - 3.2.1.11.2 Tra cứu/Duyệt danh sách công khai thông tin</i> đến thời điểm chốt dữ liệu.<br>Lưu ý: tham số tra cứu là kỳ mở sổ hiện tại.                                                                                                                                                              |
| 9                       | Danh sách NNT ngừng nghỉ KD nhưng không thông báo                                             | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng <i>ZTC_NGUNG_TD_NVT - 3.2.1.16 Ngừng theo dõi NVT đối với CNKD ngừng/ngỉ KD không thông báo</i> đến thời điểm chốt dữ liệu.<br>- Kỳ xét ngừng từ: 1901<br>- Kỳ xét ngừng đến: 19MM với MM là tháng chứa ngày bàn giao.<br>Lưu ý: đối với các CQT hợp nhất sau năm 2019 thì từ kỳ đến kỳ lấy theo năm thực hiện hợp nhất. |
| 10                      | Danh sách Tờ khai khoán ở trạng thái: tờ khai, dự kiến, quyết định tại thời điểm chốt dữ liệu | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng <i>ZTC_RET_SEARCH_TMS - 3.2.6 Tra cứu tờ khai</i> đến thời điểm chốt dữ liệu.<br>- Mẫu tờ khai: 0105<br>- Trạng thái: 01, 03, 08, 09, 9A, 9B, 9C, 9D, 9E, 9F, 9G,                                                                                                                                                        |

| STT<br>(Tại CV<br>2239) | Tên mẫu biểu                                                                              | Kí hiệu mẫu biểu       | Cách lập                                                                                                                                                                                                                                           |
|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                         |                                                                                           |                        | 9H, 9K, 11<br>- Kỳ tính thuế lấy theo năm thực hiện hợp nhất.                                                                                                                                                                                      |
| 11                      | Danh sách các quyết định miễn, giảm thuế do ngừng/ngừng kinh doanh                        | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng <i>ZTC_TMS_TCUU_MGIAM - 5.3 Tra cứu quyết định miễn giảm</i> đến thời điểm chốt dữ liệu.<br>Lưu ý: Đa lựa chọn các trạng thái 00, 03, 04, tại màn hình kết quả tra cứu lọc các trường hợp miễn giảm 10, 20. |
| 12                      | Danh sách các quyết định miễn, giảm thuế do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng <i>ZTC_TMS_TCUU_MGIAM - 5.3 Tra cứu quyết định miễn giảm</i> đến thời điểm chốt dữ liệu.<br>Lưu ý: Đa lựa chọn các trạng thái 00, 03, 04, tại màn hình kết quả tra cứu lọc các trường hợp miễn giảm 11, 21. |
| 13                      | Danh sách cá nhân cho thuê tài sản trong năm: Loại BC 01/QTr-TTS                          | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng <i>ZTC_RPT_BAOCAO_TTS - 3.2.II. 1 In Báo cáo cá nhân cho thuê tài sản</i> đến thời điểm chốt dữ liệu.<br>Lưu ý: kỳ báo cáo là năm thực hiện bàn giao.                                                       |
| 14                      | Danh sách cá nhân cho TTS dự kiến phải nộp HSKT: Loại BC 02/QTr-TTS                       | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng <i>ZTC_RPT_BAOCAO_TTS - 3.2.II. 1 In Báo cáo cá nhân cho thuê tài sản</i> đến thời điểm chốt dữ liệu.<br>Lưu ý: kỳ báo cáo là năm thực hiện bàn giao.                                                       |
| 15                      | Danh sách rủi ro đối với hoạt động cho TTS: Loại BC 03/QTr-TTS                            | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng <i>ZTC_RPT_BAOCAO_TTS - 3.2.II. 1 In Báo cáo cá nhân cho thuê tài sản</i> đến thời điểm chốt dữ liệu.<br>Lưu ý: kỳ báo cáo là năm thực hiện bàn giao.                                                       |
| 16                      | Sổ theo dõi tình hình đơn đốc khai thuế: Loại BC                                          | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng <i>ZTC_RPT_BAOCAO_TTS - 3.2.II. 1 In Báo cáo cá nhân</i>                                                                                                                                                    |

| STT<br>(Tại CV<br>2239) | Tên mẫu biểu                                                                                                                                                             | Kí hiệu mẫu biểu       | Cách lập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                         | 04/QTr-TTS                                                                                                                                                               |                        | cho thuê tài sản đến thời điểm chốt dữ liệu.<br>Lưu ý: kỳ báo cáo là năm thực hiện bàn giao.                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 17                      | Danh sách ngừng theo dõi hợp đồng                                                                                                                                        | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng <i>ZTC_NGUNG_TDHD - 3.2.11. 2 Tra cứu/Ngừng theo dõi hợp đồng thuê tài sản</i> đến thời điểm chốt dữ liệu theo điều kiện Trạng thái hợp đồng:<br>01 Hợp đồng khai lần đầu<br>02 Hợp đồng đã khai có thay đổi<br>03 Hợp đồng đã khai không thay đổi<br>04 Hợp đồng ngừng theo dõi<br>Lưu ý: Mã số thuế: * |
| 18                      | Danh sách cá nhân cho TTS đã có tờ khai TTS nhưng không có bảng kê                                                                                                       | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng <i>ZTC_RPT_TS_KBK - 3.2.11. 3 Tra cứu danh sách CN cho TTS đã có tờ khai TTS nhưng không có bảng kê</i> đến thời điểm chốt dữ liệu.<br>Lưu ý: kỳ báo cáo là năm thực hiện bàn giao.                                                                                                                      |
| 22                      | Sổ phát sinh PNN<br>- Mã mẫu TEMR12.1 Sổ bộ thuế phi nông nghiệp dành cho cá nhân, hộ gia đình<br>- Mã mẫu TEMP13.1 Sổ bộ thuế phi nông nghiệp dành cho dành cho tổ chức | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng <i>ZTC_SOPS_PNN - 3.2.7. 2 In sổ phát sinh PNN</i><br>Lưu ý: kỳ báo cáo là năm thực hiện bàn giao.                                                                                                                                                                                                       |
| 23                      | Sổ theo dõi thu nộp PNN<br>- Mã mẫu: ARTPNN-CN Sổ theo dõi thu nộp PNN (cá nhân)                                                                                         | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng <i>ZTC_TMS_COL_RPT_AGR - 8.5.3 In sổ thu nộp PNN</i> đến thời điểm chốt dữ liệu.<br>Lưu ý: chọn kỳ khóa sổ gần nhất và kỳ mở sổ hiện tại.                                                                                                                                                                |

| STT<br>(Tại CV<br>2239) | Tên mẫu biểu                                                                                 | Kí hiệu mẫu biểu       | Cách lập                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                         | - Mã mẫu: ARTPNN-TC Số theo dõi thu nộp PNN (tổ chức)                                        |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 24                      | Số nợ PNN<br>- Mã mẫu DEBPNN10TH Số nợ PNN tổng hợp<br>- Mã mẫu DEBTPNN10 Số nợ PNN chi tiết | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng <i>ZTC_RPT_PNN_CR10 - 9.9.2.4 Số nợ PNN</i> đến thời điểm chốt dữ liệu.<br>Lưu ý: chọn kỳ khóa sổ gần nhất và kỳ mở sổ hiện tại.                                                                                                 |
| 25                      | Danh sách tờ khai PNN đã lập bộ của năm                                                      | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng <i>ZTC_KETXUAT_PNN - 3.2.7. 7 Kết xuất dữ liệu tờ khai đã chuyển sang chu kỳ mới ra Excel</i> đến thời điểm chốt dữ liệu.<br>Lưu ý:<br>+ Kỳ thuế: Năm thực hiện bàn giao.<br>+ Mẫu tờ khai: Chọn theo mẫu tờ khai (0047, 0048)   |
| 26                      | Danh sách NNT có tổng số thuế PNN của tất cả các thửa đất trên phạm vi 1 tỉnh/TP             | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng <i>ZTC_TMS_MG_PNN_RPT - 5.4 DS NNT có tổng số thuế PN của tất cả các thửa đất trên phạm vi 1 tỉnh/TP</i> đến thời điểm chốt dữ liệu.<br>Lưu ý: chọn kỳ báo cáo là năm thực hiện bàn giao.                                        |
| 31                      | Số phát sinh theo hồ sơ nhà đất                                                              | Mẫu biểu trên ứng dụng | - Kết xuất trên ứng dụng QLTB-NĐ tại chức năng: “ <i>Báo cáo\Xem và kết xuất sổ</i> ”<br>- Thời gian kết xuất: Từ ngày 01/01/2018 đến ngày bàn giao.<br>Lưu ý: Hiện nay ứng dụng đang chỉ cho phép in sổ từng tháng. Để hỗ trợ kết xuất nhanh dữ liệu, cơ quan thuế vào |
| 32                      | Số theo dõi thu nộp theo hồ sơ nhà đất                                                       |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                         |

| STT<br>(Tại CV<br>2239) | Tên mẫu biểu                                          | Kí hiệu mẫu biểu       | Cách lập                                                                                                                                                                                                                  |
|-------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 33                      | Sổ theo dõi ghi nợ LPTB                               |                        | đường dẫn sau để thực hiện kết xuất 3 tháng/ lần:<br><a href="http://lptb.tct.vn/report/reportviewerwithparams?type=1&amp;limit=0">http://lptb.tct.vn/report/reportviewerwithparams?type=1&amp;limit=0</a> .              |
| 34                      | Sổ theo dõi ghi nợ tiền sử dụng đất                   |                        |                                                                                                                                                                                                                           |
| 35                      | Sổ theo dõi phát sinh, thu nộp LPTB phương tiện       |                        |                                                                                                                                                                                                                           |
| 36                      | Sổ theo dõi phát sinh, thu nộp TNCN phương tiện       |                        |                                                                                                                                                                                                                           |
| V                       | Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế              |                        |                                                                                                                                                                                                                           |
| 9                       | Báo cáo tình hình tiền thuế nợ                        | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng ZTC_TMS_RPT_CR13- 9.9.1.4.3 Báo cáo tình hình tiền thuế nợ (Mẫu 05/QLN) theo điều kiện:<br>- CQT: Mã CQT được hợp nhất<br>- Kỳ báo cáo: kỳ khóa sổ gần nhất                        |
| 15                      | Sổ tổng hợp theo dõi tiền thuế nợ dành cho NNT là DNL | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng ZTC_RPT_CR15_DNL - 9.9.1.12 Sổ tổng hợp theo dõi tiền thuế nợ dành cho NNT là DNL (Mẫu 09/QLN) theo điều kiện:<br>- CQT: Mã CQT được hợp nhất<br>- Kỳ báo cáo: kỳ khóa sổ gần nhất |
| 18                      | Danh sách Quyết định cưỡng chế đã ban hành            | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng ZTC_TRACUU_QDCC - 9.4. 8 Tra cứu nhật ký các biện pháp cưỡng chế theo điều kiện:<br>- CQT: Mã CQT được hợp nhất<br>- Trạng thái: 01 - Đã ban hành                                  |
| 20                      | Danh sách thông báo cưỡng                             | Mẫu biểu trên ứng dụng | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng                                                                                                                                                                                    |

| STT<br>(Tại CV<br>2239) | Tên mẫu biểu                                   | Kí hiệu mẫu biểu | Cách lập                                                                                                                                                                                                                   |
|-------------------------|------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                         | chế đang xử lý                                 |                  | <i>ZTC_TRACUU_QDCC - 9.4. 8 Tra cứu nhật ký các biện pháp cưỡng chế</i> theo điều kiện:<br>- CQT: Mã CQT được hợp nhất<br>- Trạng thái: 00 - Đã tạo                                                                        |
| 21                      | Danh sách MST đã phân công cán bộ quản lý nợ   |                  | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng<br><i>ZTC_ASSIGN_USERS – 9.3.6 Phân công cán bộ quản lý nợ</i> , tham số tra cứu:<br>- Trạng thái phân công: đã phân công<br>- Mẫu thông báo: theo danh sách kết xuất từ ứng dụng   |
| 22                      | Danh sách MST chưa phân công cán bộ quản lý nợ |                  | Kết xuất từ ứng dụng TMS tại chức năng<br><i>ZTC_ASSIGN_USERS – 9.3.6 Phân công cán bộ quản lý nợ</i> , tham số tra cứu:<br>- Trạng thái phân công: chưa phân công<br>- Mẫu thông báo: theo danh sách kết xuất từ ứng dụng |